|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| THREE.INP | THREE.OUT | Giải thích |
| 2  5 7 2  1 1 1  3 1 2  2 2 3  4 2 4  2 4 2  1 5 5  3 5 2  5 3  2 7  3 3 1  1 1 1  1 2 2  1 3 3  3 1 | 17  19  24  6  7 | Xét trường hợp test thứ nhất:  - Với hiện trạng ban đầu, một cách tối ưu là lắp ba đường truyền ở cột 1 , cột 2 và cột 5 . Tổng công suất cung cấp là 17.  - Với phương án điều chỉnh thứ nhất, một cách tối ưu là lắp ba đường truyền ở hàng 2 , cột 2 và cột 5 . Tổng công suất cung cấp là 19.  - Với phương án điều chỉnh thứ hai, một cách tối ưu là lắp ba đường truyền ở hàng 1 , hàng 3 và cột 2 . Tổng công suất cung cấp là 24. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| IMPEVAL.INP | IMPEVAL.OUT | Giải thích |
| 5 6 2  1 5 8  5 2 10  1 3 6  3 2 12  3 4 3  4 2 11  5 2  6 9 | 1 2  1 1 | - Với con đường số 5 có độ dài mới bằng 2, thành phố số 3 có hạng 1 do chỉ có duy nhất thành phố số 3 tốt hơn hoặc tương đương với thành phố số 3 , thành phố số 4 có hạng 2 do có hai thành phố tốt hơn hoặc tương đương với nó là thành phố số 4 và thành phố số 5 .   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | |  | 0 | 18 | 6 | 8 | 8 | |  | 18 | 0 | 12 | 11 | 10 |   - Với con đường số 6 có độ dài mới bằng 9 , thành phố số 4 và thành phố số 2 đều có hạng 1 . |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| FBUY.INP | FBUY.OUT | Minh họa mạng lưới giao thông |
| 5 3 2  1 1 1 2 3  2 3 5  1 2  2 3  2 4  1 5  2 3  3 2 | 120  137  139 |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các ngôi làng đi qua | Lượng nông sản thu mua theo tấn  (loại 1, loại 2, loại 3) | Chi phí vận chuyển |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| WPRO.INP | WPRO.OUT | Giải thích |
| 3 2 5 10 4  6 5 6 | 38 | - Một phương án tối ưu là dây chuyền thực hiện 3 lần cắt và thực hiện 2 lần dán như trong hình vẽ minh họa bên dưới.  - Tổng chi phí là . |
| 3 1 1 2 3  3 4 5 | 18 | - Phương án tối ưu là dây chuyền thực hiện 9 lần cắt. |
| 3 12 13 2 3  3 4 5 | 6 | - Phương án tối ưu là dây chuyền thực hiện 2 lần dán. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NETW.INP | NETW.OUT | Minh họa mạng truyền tin |
| 7  1 2 3  1 3 2  2 4 2  2 6 1  4 5 1  4 7 2 | 44  26  85  35  43  36  73 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | Tổng |
| 1 | - | 3 | 2 | 8 | 9 | 4 | 18 | 44 |
| 2 | 3 | - | 8 | 2 | 4 | 1 | 8 | 26 |
| 3 | 2 | 8 | - | 18 | 16 | 9 | 32 | 85 |
| 4 | 8 | 2 | 18 | - | 1 | 4 | 2 | 35 |
| 5 | 9 | 4 | 16 | 1 | - | 9 | 4 | 43 |
| 6 | 9 | 1 | 9 | 4 | 9 | - | 9 | 36 |
| 7 | 18 | 8 | 32 | 2 | 4 | 9 | - | 73 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NOEL.INP | NOEL.OUT | Giải thích |
| 10 2  1 2 4 3 2 1 2 8 6 8  2 5 6 7  4 10 7 6 | 2  0 | - Trong câu hỏi đầu tiên, dãy cần xét đến là . Tất cả các dãy mã hóa phân đoạn sắp xếp theo thứ tự từ điển ngược lần lượt là  - Hai dãy mã hóa phân đoạn có thứ tự từ điển ngược bằng 6 và bằng 7 tương ứng là  và . Độ dài tiền tố chung dài nhất của hai dãy  và  là 2.  - Trong câu hỏi thứ hai, dãy cần xét đến là . Hai dãy mã hóa phân đoạn có thứ tự từ điển ngược bằng 7 và bằng 6 tương ứng là  và . Độ dài tiền tố chung dài nhất của hai dãy  và  là 0. |